

QUỐC HỘI

Luật số: .../2026/QH16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA  
LUẬT THƯƠNG MẠI, LUẬT CẠNH TRANH, LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI  
THƯƠNG, LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại số 36/2005/QH11, Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14, Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại số 36/2005/QH11**

1. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 3 như sau:

“2a. Hàng giả bao gồm hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định khác về hàng giả thì thực hiện theo quy định đó:

a) Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký;

b) Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa;

c) “Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả” gồm đề can, nhãn hàng hóa (bao gồm cả nhãn điện tử, hệ chiếu số của sản phẩm, hàng hóa), bao bì hàng hóa, các loại tem chất lượng, dấu chất lượng, tem truy xuất nguồn gốc, phiếu bảo hành, niêm màng co hàng hóa hoặc vật phẩm khác của tổ chức, cá nhân kinh doanh có chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo tên thương mại, tên

thương phẩm, mã số mã vạch, mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố của hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

" Nhà nước thực hiện độc quyền Nhà nước có thời hạn về hoạt động thương mại đối với một số hàng hóa, dịch vụ hoặc tại một số địa bàn để bảo đảm lợi ích quốc gia theo quy định của luật chuyên ngành, trừ quy định của pháp luật trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng có quy định khác." .

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 94 như sau:

"4. Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ quy định cụ thể hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 133 như sau:

"2. Thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại khi tổ chức cho thương nhân khác tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 137 như sau:

"1. Hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài được phép bán, tặng, cung ứng tại hội chợ, triển lãm."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 256 như sau:

**"Điều 256. Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại**

Thương nhân có quyền tự do kinh doanh dịch vụ giám định thương mại theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về hoạt động giám định, chứng thư giám định do mình cung cấp."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 260 như sau:

"2. Chứng thư giám định phải có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định và chữ ký, họ tên của giám định viên. Chứng thư giám định phải được đóng dấu nghiệp vụ.

Mẫu dấu nghiệp vụ được thương nhân công bố trên trang thông tin điện tử của thương nhân hoặc tại trụ sở chính của thương nhân."

7. Bãi bỏ Điều 24, Điều 25, Điều 74, Điều 76, khoản 2 Điều 135, khoản 2, 3 Điều 137, Điều 257, Điều 258, Điều 259, Mục 2 Chương II, Mục 2 Chương III, Mục 2 Chương VI, Chương VII.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cạnh tranh 23/2018/QH14**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“ 2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi sau đây:

a) Tổ chức hoặc ép buộc để doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm.

b) Vận động hoặc kêu gọi để doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm.

c) Giúp sức để doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Thị trường liên quan được xác định trên cơ sở thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của thị trường liên quan, thị phần của doanh nghiệp trên thị trường liên quan được xác định theo một trong các phương pháp sau đây:

a) Tỷ lệ phần trăm giữa doanh thu bán ra của doanh nghiệp này với tổng doanh thu bán ra của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm;

b) Tỷ lệ phần trăm giữa doanh số mua vào của doanh nghiệp này với tổng doanh số mua vào của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm;

c) Tỷ lệ phần trăm giữa số đơn vị hàng hóa, dịch vụ bán ra của doanh nghiệp này với tổng số đơn vị hàng hóa, dịch vụ bán ra của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm;

d) Tỷ lệ phần trăm giữa số đơn vị hàng hóa, dịch vụ mua vào của doanh nghiệp này với tổng số đơn vị hàng hóa, dịch vụ mua vào của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm.

đ) Tỷ lệ phần trăm giữa số lượng người dùng hoặc khách hàng của doanh nghiệp này với tổng số người dùng hoặc khách hàng của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm;

e) Tỷ lệ phần trăm giữa số lượng nhà cung cấp tham gia nền tảng số của

doanh nghiệp này với tổng số nhà cung cấp tham gia nền tảng số của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm;

g) Tỷ lệ phần trăm giữa số lượng giao dịch, lượt truy cập nền tảng số của doanh nghiệp này với tổng số giao dịch, lượt truy cập nền tảng số của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Thị phần kết hợp là tổng thị phần trên thị trường liên quan của các doanh nghiệp trong nhóm doanh nghiệp liên kết, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường; các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh hoặc tập trung kinh tế.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm.”.

5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho bên nộp hồ sơ về tính đầy đủ, đúng quy định của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung để các bên sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo.

Khi kết thúc thời hạn mà bên được yêu cầu không sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ không đầy đủ theo yêu cầu thì Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trả lại hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ.”.

b) Bãi bỏ khoản 3.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4:

“Hồ sơ được thụ lý kể từ ngày Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ra thông báo hồ sơ đầy đủ, đúng quy định tại Điều 15 của Luật này”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc tham vấn ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan về

nội dung được tham vấn qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc trực liên thông văn bản quốc gia.”.

b) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2:

“3. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần hồ sơ tham vấn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong quá trình xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 20 như sau:

“2. Thời hạn ra quyết định về việc hưởng miễn trừ là 45 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của thị trường liên quan, sức mạnh thị trường đáng kể của doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp được xác định căn cứ vào một số yếu tố sau đây:

- a) Tương quan thị phần giữa các doanh nghiệp trên thị trường liên quan;
- b) Sức mạnh tài chính, quy mô của doanh nghiệp;
- c) Rào cản gia nhập, mở rộng thị trường đối với doanh nghiệp khác;
- d) Khả năng nắm giữ, tiếp cận, kiểm soát thị trường phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ hoặc nguồn cung hàng hóa, dịch vụ;
- đ) Lợi thế về công nghệ, hạ tầng kỹ thuật;
- e) Quyền sở hữu, nắm giữ, tiếp cận cơ sở hạ tầng;
- g) Quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;
- h) Khả năng chuyển sang nguồn cung hoặc cầu đối với các hàng hóa, dịch vụ liên quan khác;
- i) Quy mô số lượng người dùng, khách hàng hoặc nhà cung cấp tham gia nền tảng so với các doanh nghiệp khác trên cùng thị trường liên quan;
- k) Khả năng thu thập, tích lũy, kiểm soát và khai thác dữ liệu người dùng, dữ liệu giao dịch và dữ liệu thị trường;
- l) Mức độ và phạm vi của hiệu ứng mạng trực tiếp và gián tiếp của nền tảng số;
- m) Rào cản đối với người dùng, khách hàng hoặc đối tác kinh doanh khi chuyển sang sử dụng hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp khác;
- n) Mức độ tích hợp, liên kết các sản phẩm, dịch vụ trong cùng hệ sinh thái thương mại điện tử và khả năng tận dụng lợi thế giữa các hạ tầng trong hệ sinh

thái thương mại điện tử.

o) Khả năng kiểm soát việc tiếp cận thị trường của doanh nghiệp khác.

p) Khả năng sử dụng thuật toán, trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ số khác để điều phối, kiểm soát giao dịch, giá cả hoặc hành vi của người dùng trên thị trường.

q) Các yếu tố đặc thù trong ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 như sau:

“1. Doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường thực hiện hành vi sau đây:

a) Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ đối thủ cạnh tranh;

b) Áp đặt giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý hoặc ấn định giá bán lại tối thiểu gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho khách hàng;

c) Hạn chế sản xuất, phân phối hàng hóa, dịch vụ, giới hạn thị trường, cản trở sự phát triển kỹ thuật, công nghệ gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho khách hàng;

d) Áp dụng điều kiện thương mại khác nhau trong các giao dịch tương tự dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản doanh nghiệp khác tham gia, mở rộng thị trường hoặc loại bỏ doanh nghiệp khác;

đ) Áp đặt điều kiện cho doanh nghiệp khác trong ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ hoặc yêu cầu doanh nghiệp khác, khách hàng chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản doanh nghiệp khác tham gia, mở rộng thị trường hoặc loại bỏ doanh nghiệp khác;

e) Ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác;

g) Ưu tiên sản phẩm, dịch vụ do mình hoặc doanh nghiệp trong nhóm doanh nghiệp liên kết với chủ quản nền tảng cung cấp thông qua thứ hạng hiển thị, thuật toán, điều kiện kỹ thuật, dữ liệu hoặc điều kiện giao dịch dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác; hoặc gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho người dùng trên nền tảng số;

h) Áp đặt các điều kiện giao dịch bất hợp lý liên quan đến giá bán, phương thức thanh toán, bảo hành hoặc các điều kiện giao dịch khác dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác; hoặc gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho người dùng trên nền tảng

số;

i) Áp đặt, ép buộc người dùng phải đăng ký, sử dụng hoặc duy trì việc sử dụng một hoặc một số dịch vụ khác do chủ quản nền tảng số hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp liên kết với chủ quản nền tảng cung cấp như điều kiện để được tiếp cận, duy trì quyền truy cập nền tảng số hoặc duy trì, mở rộng, phát triển hoạt động kinh doanh trên nền tảng số dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác; hoặc gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho người dùng trên nền tảng số;

k) Ngăn cản hoặc làm giảm khả năng người dùng kinh doanh tiếp cận nền tảng khác có khả năng thay thế dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác; hoặc gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho người dùng trên nền tảng số;

l) Ngăn cản hoặc gây khó khăn bất hợp lý trực tiếp hoặc gián tiếp cho người sử dụng trong việc gỡ bỏ ứng dụng, dịch vụ cài đặt sẵn hoặc thay thế bằng dịch vụ cạnh tranh, trừ trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn thông tin mạng hoặc vận hành thiết yếu;

m) Từ chối cung cấp hoặc áp đặt điều kiện, chi phí bất hợp lý để người dùng kinh doanh được quyền truy cập, khai thác dữ liệu phát sinh từ hoạt động kinh doanh hợp pháp của họ trên nền tảng số dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác; hoặc gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho người dùng trên nền tảng số.

n) Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường bị cấm theo quy định của luật khác.”.

10. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 của Điều 29 như sau:

“6. Chính phủ quy định chi tiết điểm c, điểm đ khoản 1 và khoản 4 Điều này và các trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, hoạt động mua lại doanh nghiệp, liên doanh giữa các doanh nghiệp không được xác định là tập trung kinh tế”.

11. Sửa đổi khoản 1 của Điều 34 như sau:

“1. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần hồ sơ thông báo tập trung kinh tế.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“1. Trong quá trình thẩm định tập trung kinh tế, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền tham vấn cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực mà các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế đang hoạt động.

2. Trong quá trình thẩm định tập trung kinh tế, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể tiến hành tham vấn ý kiến của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc tham vấn ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung được tham vấn. Văn bản trả lời được gửi qua bưu điện, trực tuyến hoặc trực liên thông văn bản quốc gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ tham vấn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

**“Điều 42. Tập trung kinh tế có điều kiện**

1. Tập trung kinh tế có điều kiện là tập trung kinh tế được thực hiện nhưng phải đáp ứng một hoặc một số điều kiện sau đây:

a) Chia, tách, bán lại một phần vốn góp, tài sản của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế;

b) Kiểm soát nội dung liên quan đến giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp hình thành sau tập trung kinh tế;

c) Biện pháp khác nhằm khắc phục khả năng tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường;

d) Biện pháp khác nhằm tăng cường tác động tích cực của tập trung kinh tế.

2. Căn cứ kết quả thẩm định chính thức, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định điều kiện, thời hạn áp dụng các điều kiện.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 1 Điều 45

b) Bổ sung khoản 6a, khoản 6b sau khoản 6 của Điều 45 như sau:

“6a. Cản trở hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp khác thông qua việc lạm dụng quyền cấp, gia hạn, duy trì hoặc chấm dứt hiệu lực giấy phép bán hàng hoặc các văn bản chấp thuận tương đương, bao gồm một trong các hành vi sau đây mà không có lý do chính đáng:

a) từ chối cấp hoặc áp dụng điều kiện bắt hợp lý khi cấp giấy phép bán hàng hoặc văn bản tương đương;

b) đơn phương thu hồi, đình chỉ hoặc không gia hạn giấy phép bán hàng hoặc văn bản tương đương;

c) phân biệt đối xử trong việc cấp, duy trì hoặc chấm dứt hiệu lực của giấy phép bán hàng hoặc văn bản tương đương giữa các đối tác, khách hàng có điều kiện như nhau.

6b. Sử dụng dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn thương mại hàng hóa, dịch vụ như nền tảng thương mại điện tử, tài liệu kinh doanh, thiết kế nơi kinh doanh hoặc các hình thức khác gây nhầm lẫn hoặc có khả năng gây nhầm lẫn cho khách hàng về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ".

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 78 như sau:

“1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khiếu nại, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khiếu nại.

a) Trường hợp hồ sơ khiếu nại đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thông báo cho bên khiếu nại về việc tiếp nhận hồ sơ khiếu nại đồng thời thông báo cho bên bị khiếu nại.

b) Trường hợp hồ sơ khiếu nại chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thông báo bằng văn bản để bên khiếu nại sửa đổi, bổ sung hồ sơ khiếu nại. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ khiếu nại là 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ban hành văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ khiếu nại.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 79 như sau:

“3. Bên khiếu nại không bổ sung hoặc bổ sung hồ sơ khiếu nại không đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 78 của Luật này”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 94 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;

c) Bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng cạnh tranh khác (nếu có);

d) Tóm tắt nội dung vụ việc, kết quả điều tra vụ việc;

đ) Hành vi vi phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng (nếu có);

e) Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

g) Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

h) Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;

i) Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định, nơi nộp tiền phạt (nếu có);

k) Trách nhiệm thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành” (nếu có).

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1

“1a. Trường hợp đã ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh thì không lập biên bản vi phạm hành chính và không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh”.

18. Bổ sung Điều 94a sau Điều 94

**“Điều 94a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh**

1. Thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, vi phạm quy định về tập trung kinh tế; cạnh tranh không lành mạnh là 05 năm.

2. Thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính về cạnh tranh khác là 05 năm.

3. Chính phủ quy định chi tiết về thời điểm để tính thời hiệu xử phạt.”.

19. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 111 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 111:

“Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế là không vượt quá 2 tỉ đồng hoặc 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.”

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 111 như sau:

“4. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi khác vi phạm quy định của Luật này là 2.000.000.000 đồng”.

20. Bổ sung Điều 113a vào sau Điều 113 như sau:

**“Điều 113a. Giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về tập trung kinh tế, cạnh tranh không lành mạnh và hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**

1. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể giao cho cấp phó thực hiện

thảm quyền xử phạt vi phạm hành chính về tập trung kinh tế, cạnh tranh không lành mạnh và hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

2. Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc. Việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

3. Cấp phó được giao quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.”.

### **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14**

1. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 1 như sau:

“Các biện pháp quản lý ngoại thương là các biện pháp hành chính, kỹ thuật, kiểm dịch, phòng vệ thương mại, kiểm soát khẩn cấp được quy định tại Luật này và quy định của pháp luật khác có liên quan.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. **Khu vực hải quan riêng** là khu vực địa lý xác định trên lãnh thổ Việt Nam do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chính quyền địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa với phần lãnh thổ còn lại và với nước ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“**Điều 10. Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu**

1. Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và các trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong Danh mục.

Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc **diện áp dụng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu** Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu đối với khu vực hải quan riêng được thực hiện theo quy định tại Mục 8 Chương

**Commented [1]:** Rất nhiều doanh nghiệp bị vướng về khái niệm khu vực hải quan riêng.  
khoản 1 Điều 30 Nghị định 82/2018/NĐ-CP quy định "Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất được áp dụng quy định đối với khu vực hải quan riêng, khu phi thuế quan trừ các quy định riêng ...". Tuy nhiên Nghị định 82/2018/NĐ-CP đã hết hiệu lực.  
Khoản 4 Điều 26 Nghị định 35/2022/NĐ-CP không đề cập cụ thể đến nội dung DNCX được áp dụng quy định về khu vực hải quan riêng.

**Commented [2]:** Luật đầu tư - Phụ lục I CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH  
Luật đầu tư - Phụ lục II DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT CẤM

**Commented [3]:** Luật đầu tư có danh mục cấm xuất khẩu, nhập khẩu. Việc giao thủ tướng ban hành danh mục cấm XNK có bị vướng so với quy định ở Luật đầu tư

này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

"1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh, trên cơ sở lấy ý kiến hoặc theo đề xuất của Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, trừ trường hợp pháp luật về thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật có quy định khác."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

**“Điều 32. Biện pháp chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

1. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa bao gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới dạng văn bản hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp cho thương nhân;

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân tự phát hành. ~~theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật này.~~

2. Chính phủ quy định chi tiết về xuất xứ hàng hóa và chứng nhận xuất xứ hàng hóa.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

**“Điều 34. Thẩm quyền áp dụng biện pháp chứng nhận xuất xứ hàng hóa**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

2. Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa và nhiệm vụ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Quy định tiêu chí cho cơ quan, tổ chức chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

**"Điều 35. Kiểm tra xuất xứ hàng hóa**

Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xác minh, hướng dẫn kiểm tra việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu và cấp Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

"1. Giấy chứng nhận lưu hành tự do là văn bản chứng nhận do cơ quan, **tổ chức nhà nước** có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho thương nhân xuất khẩu hàng hóa để chứng nhận hàng hóa đó được phép lưu hành tự do tại nước xuất khẩu."

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

"1. Trừ trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Điều 39 của Luật này, thương nhân được tạm nhập vào Việt Nam hàng hóa không thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo các trường hợp do Chính phủ quy định trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam. Thương nhân làm thủ tục tạm nhập, tái xuất tại cơ quan hải quan."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41 như sau:

"2. Thủ tục tạm nhập, tái xuất được thực hiện như sau:

a) Thương nhân phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất đối với hàng hóa chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.

b) Chính phủ quy định các trường hợp cho phép tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

c) Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự và thủ tục tạm nhập, tái xuất hàng hóa đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này."

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 42 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42 như sau:

"1. Thương nhân được tạm xuất, tái nhập hàng hóa theo các trường hợp do Chính phủ quy định. Thủ tục tạm xuất, tái nhập thực hiện tại cơ quan hải quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 như sau:

"2. Đối với hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, thương nhân phải được cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy phép đối với hàng hóa quy định tại khoản này."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 44 như sau:

“Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa đối với hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 như sau:

“~~2. Bộ trưởng Bộ Công Thương~~ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 như sau:

“2. Đối với hàng hóa được lưu kho tại Việt Nam hoặc bị hư hỏng, tổn thất hoặc phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh bị hư hỏng trong thời gian quá cảnh cần phải có thêm thời gian để lưu kho, khắc phục hư hỏng, tổn thất thì thời gian quá cảnh được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục quá cảnh chấp thuận; trường hợp gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 44 của Luật này phải được ~~Bộ trưởng Bộ Công Thương~~ cơ quan cấp Giấy phép cho phép.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

Thương nhân được nhận gia công hàng hóa hợp pháp cho thương nhân nước ngoài. Riêng đối với việc gia công hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu để tiêu thụ ở nước ngoài phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép gia công theo trình tự, thủ tục do Chính phủ quy định.

#### **Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 như sau:

“9. Người có ảnh hưởng là chuyên gia, người có uy tín, người được xã hội chú ý trong lĩnh vực, ngành, nghề cụ thể theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ giao quy định chi tiết..”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Căn cứ vào quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao dịch với cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên, không phải đăng ký kinh doanh.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định việc tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thiết lập phương thức rõ ràng để người tiêu dùng lựa chọn mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng thông tin đồng ý cung cấp và bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 18 của Luật này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 23 như sau:

“5. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có số lượng lớn người tiêu dùng mua, sử dụng thường xuyên, liên tục, có tác động trực tiếp, lâu dài đến người tiêu dùng phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước khi sử dụng để giao kết với người tiêu dùng.

Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong từng thời kỳ, Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ ban hành, sửa đổi Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Điều này.

Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương trong từng thời kỳ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều này Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bổ sung ngoài Danh mục do Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ ban hành, để áp dụng trong phạm vi của tỉnh đó.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 28 như sau:

“5. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết Điều này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 32 như sau:

“3. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết Điều này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 33 như sau:

“5. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết Điều này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37 như sau:

“4. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết Điều này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 39 như sau:

“5. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 40 như sau:

“3. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết Điều này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 như sau:

“3. Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết Điều này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 56 như sau:

“3. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh không trả lời yêu cầu thương lượng của người tiêu dùng theo quy định tại Điều 57 của Luật này hoặc từ chối thương lượng mà không có lý do chính đáng, người tiêu dùng có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hỗ trợ thương lượng khi quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4, 5 Điều 57 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 56 của Luật này, người tiêu dùng gửi yêu cầu hỗ trợ thương lượng và thông tin, tài liệu liên quan bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có trách nhiệm chuyển yêu cầu của người tiêu dùng đến tổ chức, cá nhân kinh doanh được yêu cầu thương lượng.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm tiến hành thương lượng với người tiêu dùng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu và thông báo bằng văn bản kết quả thương lượng đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương, tổ chức xã hội tham gia

bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thương lượng.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 58 như sau:

“4. Nội dung yêu cầu hỗ trợ thương lượng không thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương hoặc mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 73 như sau:

“2. Trong trường hợp không xác định được đối tượng thụ hưởng, tiền bồi thường thiệt hại trong vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vì lợi ích công cộng do tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khởi kiện được sử dụng để phục vụ cho các hoạt động chung vì quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ giao quy định chi tiết.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 75 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 3, 5, 6 Điều 75.

b) Sửa đổi khoản 10 như sau:

“10. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền.”.

18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 77 như sau:

a) Bổ sung điểm đ, e, g vào khoản 1 như sau:

“đ) Tổ chức hoạt động khảo sát, thử nghiệm; công bố kết quả khảo sát, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực được phân công quản lý.

e) Thực hiện việc giao nhiệm vụ cho tổ chức xã hội có tôn chỉ, mục đích tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật này và quy định của luật khác có liên quan.

g) Quản lý hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức hòa giải về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật.”.

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 77.

c) Bổ sung điểm g, h, i, k, l, m, n vào khoản 3 như sau:

“g) Thực hiện việc giao nhiệm vụ cho tổ chức xã hội có tôn chỉ, mục đích tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật này và quy định của luật khác có liên quan;

h) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 10 Điều 75 của Luật này theo thẩm quyền tại địa phương;

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tư vấn, hỗ trợ và nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương;

k) Kiểm tra hoạt động của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương;

l) Quản lý theo thẩm quyền đối với các chợ, trung tâm thương mại trên địa bàn để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi người tiêu dùng mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tại các địa điểm này;

m) Báo cáo kết quả thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên;

n) Ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại các cơ quan nhà nước cấp xã.”

#### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các hồ sơ đề nghị cấp phép đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027./.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**